TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM DƯƠNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 54/2019/QĐST- HNGĐ	*Tam Dương, ngày 20 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬNCỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 139/2019/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1981;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1971.

Đều có địa chỉ cư trú tại: Khu 7, xã K L, huyện T D, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;Điều 55; Điều 58, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày12tháng 9năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Trần Thị N được quyền tiếp tụctrực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thúy H sinh ngày 25 tháng 12 năm 2002 và cháu Nguyễn Anh T sinh ngày 06 tháng 03 năm 2005.Anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng cho mỗi cháu, cả hai

cháu là 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng một tháng) kể từ tháng 10 năm 2019 đến khi cháu H và cháu T thành niên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị Trần Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn T không thanh toán số tiền cấp dưỡng định kỳ hàng tháng nêu trên thì anh T phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2.Về tài sản chung,tài sản riêng và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4.Về công sức và đất canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5.Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị N nộp toàn bộ 150.000đ được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0002748 ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T D. Hoàn trả cho chị Trần Thị N150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Án phí cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn T chịu nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T D;
- UBND xã Hợp Châu, huyện T Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D;
- Lưu hồ sơ,VP.

THẨM PHÁN

Lê Thị Bích Ngọc